

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Anh Thành**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Đức Nhâm**;

Ông **Lương Quang Toán**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Na Hang tham gia phiên tòa:
Ông **Tạ Ngọc Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa 14/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Nh**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: ĐKKH Thôn Kh T, xã Đ V, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Đang ở: Thôn B Kh, xã Th N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn xin xử vắng mặt;

- Bị đơn: **Chu Văn B**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Kh T, xã Đ V, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chu Văn B quen nhau, tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Ngày 22/11/2012 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ V, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh B. Vợ chồng chị sống hạnh phúc. Đến khi đi làm ăn xa rồi cách đây khoảng 03 năm anh B có quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến vợ con. Anh B ngoại tình bố và mẹ anh B biết, khuyên bảo nhưng anh B không chấm dứt. Anh B đi ở trọ cùng người phụ nữ khác. Khi

nghi lễ, Tết về nhà nhưng sống ly thân với chị. Do không còn tình cảm với anh B nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn B Kh, xã Th N sống ly thân từ đó đến nay. Chị và anh B không còn ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Chị không còn tình cảm với anh B, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Chu Thị Kim Th, sinh ngày 18/01/2013 và cháu Chu Thị Thu Q, sinh ngày 25/10/2014. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q còn cháu Th giao cho anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có.

Chị có đơn đề nghị Tòa xử vắng mặt do bận công việc làm ăn và nhà ở xa Toà án.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án theo thời gian của thông báo nên không hòa giải được. Anh B không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Nh.

Tòa án tiến hành xác minh với Trưởng thôn Kh T - Ông Lộc Văn Thẩm cho biết: Anh Chu Văn B và chị Hoàng Thị Nh kết hôn thì về chung sống cùng bố mẹ anh B. Khi làm ăn, sinh sống ở địa phương thì ông không thấy anh B, chị Nh có mâu thuẫn gì. Khoảng 04, 05 năm gần đây khi chị Nh, anh B đi làm ăn xa. Không rõ nguyên nhân gì nhưng khoảng 02 năm gần đây chị Nh không về ở cùng gia đình anh B. Anh B, chị Nh có 02 con chung đều là cháu gái. Các cháu đều đang đi học ở thôn Kh T.

Tòa án tiến hành xác minh với bà Triệu Thị L – là mẹ anh B. Bà Liệp cho biết: Chị Nh, anh B kết hôn thì về ở với ông, bà tại thôn Kh T. Khi con thứ 2 của anh chị được 09 tháng tuổi thì cả anh B và chị Nh cùng đi làm xa, để con ở nhà cho ông bà chăm sóc. Anh B, chị Nh đều gửi tiền về để ông bà nuôi cháu. Theo chị Nh nói với bà thì 02 năm gần đây chị Nh và anh B không ở cùng nhau. Bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Nh và anh B.

Tòa án lấy lời khai cháu Chu Thị Kim Th và cháu Chu Thị Thu Q. Cháu Th khai: Cháu là con của bố Chu Văn B và mẹ Hoàng Thị Nh. Cháu đang ở với ông bà Nội nhiều năm vì bố mẹ cháu đều đi làm xa. Cháu biết bố mẹ cháu có gửi tiền về cho ông bà nuôi cháu và em. Bố mẹ có gửi quà cho hai chị em cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố. Cháu Q khai: Cháu là con của bố Chu Văn B và mẹ Hoàng Thị Nh. Bố mẹ cháu cùng đi làm xa. Cháu không biết vì sao nghỉ lễ, nghỉ Tết mẹ cháu không về ở cùng bố và ông bà Nội mà chỉ về thăm, đón chị em cháu về nhà ông bà ngoại chơi. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát

đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của BLTTDS; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Nh. Tuyên xử cho chị Hoàng Thị Nh được ly hôn với anh Chu Văn B.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung là cháu Chu Thị Thu Q, sinh ngày 25/10/2014 cho chị Hoàng Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Chu Thị Kim Th, sinh ngày 18/01/2013 cho anh Chu Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nh xác định không có tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết anh B không có ý kiến trình bày và yêu cầu đối với tài sản chung và nợ chung, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của BLTTDS và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị Nh là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị Nh có đơn xin miễn án phí, nên chị Nh được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Chị Hoàng Thị Nh đã nộp các tài liệu: Trích lục kết hôn, bản sao giấy khai sinh của các con, bản sao chứng minh nhân dân của chị Nh, bản sao sổ hộ khẩu.

Tòa án xác minh với Trưởng thôn Kh T và bà Triệu Thị L (Mẹ anh B); Lấy lời khai các con của anh B, chị Nh.

Chị Hoàng Thị Nh và anh Chu Văn B không thống nhất được với nhau về việc ly hôn và nuôi con chung do anh B không hợp tác làm việc với Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Anh Chu Văn B cư trú tại thôn Kh T, xã Đ V, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Hoàng Thị Nh khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án theo thời gian của thông báo nên không hòa giải được. Anh B không gửi văn bản nêu ý

kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Nh. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Đến ngày, giờ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh B vắng mặt nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo hoãn phiên tòa cho các đương sự. Chị Nh có đơn xin xử vắng mặt. Anh B vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ Điều 207, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[3] Chị Hoàng Thị Nh và anh Chu Văn B kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ V, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của chị Nh và kết quả xác minh với Trưởng thôn Kh T; xác minh với mẹ anh B; lời khai cháu Q, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Nh và anh Chu Văn B đã trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hoàng Thị Nh được ly hôn với anh Chu Văn B.

[4] Quá trình chung sống chị Nh và anh B có 02 con chung là cháu Chu Thị Kim Th, sinh ngày 18/01/2013 và cháu Chu Thị Thu Q, sinh ngày 25/10/2014. Chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q giao cháu Th cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác minh tại địa phương hiện nay các con chung đang ở cùng ông bà Nội. Nguyên vọng của cháu Th và cháu Q cùng là muốn ở với bố và ông bà Nội. Tuy nhiên xét thấy anh B và chị Nh cùng thường đi làm ăn xa nhà. Nếu giao cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là không đảm bảo chăm sóc, giáo dục con được tốt. Nguyên vọng của chị Nh xin nhận trực tiếp nuôi cháu Q là phù hợp. Do đó căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Chu Thị Thu Q, sinh ngày 25/10/2014 cho chị Hoàng Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Chu Thị Kim Th, sinh ngày 18/01/2013 cho anh Chu Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; hai bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

[5] Chị Hoàng Thị Nh trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung và vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[6] Chị Hoàng Thị Nh là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Chị Nh có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho chị Hoàng Thị Nh.

[7] Chị Hoàng Thị Nh và anh Chu Văn B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 207, 228, 235, 238, 266, 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Hoàng Thị Nh.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Nh được ly hôn anh Chu Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Thị Thu Q, sinh ngày 25/10/2014 cho chị Hoàng Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Chu Thị Kim Th, sinh ngày 18/01/2013 cho anh Chu Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh B, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Nh được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Nh và anh Chu Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang
- VKS huyện Na Hang;
- VKS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Đ V;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Anh Thành